TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Xuân Thư

2. Ông Hoàng Ngọc Năm

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoằng Hóa

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:*

Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: tổ 60 phường Minh Phương, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Trà Sơn, xã Hoằng Kh, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Phương, bị đơn anh Lê Văn Luận có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Ph thể hiện:

Tôi (Phương) và tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng Kh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi nhau rất nhiều lần. Hiện nay anh L đang mang con về quê, tôi cũng đã nhiều lần nói anh L mang con ra cho tôi vì cháu đang còn nhỏ, nhưng anh L vẫn không mang cháu ra, mà muốn tôi để cháu ở nhà với anh và bà nội, cuối tuần tôi sẽ phải về trong Thanh Hóa, tôi không đồng ý với yêu cầu của anh L nên vợ chồng cãi nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi xin được ly hôn với anh L.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung cháu tên là Lê Gia Hân, sinh ngày 27/5/2019. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu. Hiện nay tôi làm Công ty dược Trung ương tại Mê Linh, Vĩnh Phúc nên mức thu nhập của tôi mỗi tháng là 8.000.000đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Tôi yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Tôi đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần tài sản chung của vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2020 như sau:

-01 sổ tiết kiệm tại chi nhánh Ngân hàng Agri bank chi nhánh Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền gửi: 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn L.

Anh L, chị Ph thống nhất: Giao số tiền 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn Luận cho cháu Lê Gia Hân khi nào cháu đủ 18 tuổi (Do hiện nay cháu đang còn nhỏ nên anh Luận sẽ là người quản lý cho cháu).

Tại bản tự khai ngày 28/8/2020; Biên bản hòa giải ngày 16/9/2020 và lời khai tại phiên tòa của anh Lê Văn L thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi (L) và cô Ph tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng Kh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tôi về quê trong Thanh Hóa làm việc, cô Ph làm việc tại Hà Nội, thời gian trước vợ chồng sống với nhau bình thường và chưa có con chung thì ông ngoại(bố của cô Ph) yêu cầu vợ chồng tôi phải chu cấp cho em gái Ph học đại học. Khi chúng tôi có con chung thì chúng tôi có nhờ bà ngoại trông cháu, vợ chồng mỗi tháng đưa cho bà 2.000.000đ(Hai triệu đồng), tôi cũng đã thấy tôi thương vợ và có trách nhiệm với gia đình nhà vợ, nhưng mẹ vợ tôi nhiều lần xúc phạm tôi, có lần vào dịp tết thì tôi có mua cho con gái tôi một con lợn để tiền mừng tuổi, khi ra Hà nội ở thì mẹ vợ tôi có xuống trông cháu. Tôi đi làm về thấy con lợn đã không còn tiền, thì tôi có nói tại sao mẹ lại lấy tiền trong con lợn là tiền mừng tuổi của cháu, mẹ vợ tôi không thừa nhận và tôi và bà mẹ có đôi co nhau, mẹ vợ tôi có chửi tôi "sư cha nhà bay" tôi thiết nghĩ bố tôi đã mất mà mẹ vợ tôi dám xúc phạm bố tôi, nên tôi có tát mẹ vợ tôi mấy cái. Nhưng sáng hôm sau ngủ dậy biết mình đã sai và xin lỗi mẹ vợ và đưa bà đi khám bác sỹ nhưng không việc gì cả.

Tôi làm nghề lái xe trên Lào Cai chở hàng sang Trung Quốc. Từ khi có dịch covits thì tôi có về nhà ông ngoại ở, vì vợ tôi đang ở nhà ông ngoại. Khi đó tôi có nói với vợ tôi, đang dịch anh đưa con về nội trong Thanh Hóa thăm bà nội và gia đình bên nội, nhưng vợ tôi không về và vợ chồng cãi nhau, tôi bế con về thì ông ngoại bố cô Ph không cho tôi bế cháu về và bảo báo cáo chính quyền địa phương, tôi nói với ông con có làm chi mà ông báo cáo và gia đình nhà ngoại can thiệp vào quá nhiều công việc của vợ chồng tôi kể cả tiền nong.

Từ khi tôi và cháu Lê Gia Hân về trong Thanh Hóa, thì tôi thấy tình hình dịch bệnh kéo dài nên đã xin việc và làm trong quê, nên không có ý định ra ngoài đó nữa. Tôi đã nhiều lần động viên vợ để con gái ở nhà cùng tôi và bà nội của cháu, cuối tuần cô Ph về nhưng cô Ph không đồng ý. Nay cô Ph làm đơn xin ly hôn thì tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi có nguyện vọng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung Lê Gia Hân, sinh ngày 25/7/2019. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu cô Ph cấp dưỡng nuôi con, vì từ khi cháu về trong quê ở với tôi và bà nội, tôi đang chăm sóc cháu rất tốt, mẹ tôi ở nhà chăm cháu khi tôi đi làm. Hiện nay tôi đang làm ở công ty TNHH Ngọc Thực(Phú Khê- Hoằng Phú) mức thu nhập của tôi là 13.500.000đ/ tháng, nên tôi đảm bảo cho việc chăm sóc cháu. Nếu cô Phương cương quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu tòa án giao con cho cô Ph nuôi thì tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng là 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Tôi đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về phần tài sản theo biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2020 .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quá trình tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo luật định. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ Ph và anh Lê Văn L kết hôn năm 2018. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa vợ chồng không thống nhất dẫn đến ngày một gay gắt không hòa giải nổi. Nay chị Ph có nguyện vọng xin ly hôn anh L. Anh mong muốn đoàn tụ còn chị cương quyết ly hôn . Đại diện VKS nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Thể hiện tình cảm vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Lê Thị Mỹ Ph được ly hôn với anh Lê Văn L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Gia Hân, sinh ngày 27/5/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh L mang cháu về Thanh Hóa cho đến nay mặc dù anh và bà nội chăm sóc cháu rất tốt nhưng do cháu đang còn nhỏ cháu mới có 16 tháng 22 ngày, mặc dù anh có nguyện vọng nuôi cháu nhưng chị Phương cũng có nguyện vọng nuôi cháu cả chị Ph và anh đều có thu nhập ổn định. Do đó căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Phương. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Luận. Về cấp dưỡng: Anh L, chị Ph thống nhất mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Về tài sản: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần tài sản chung của vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2020 cho chị Ph, anh L.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Ph không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ Ph khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn L và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Ph là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn L có địa chỉ tại thôn Trà Sơn, xã Hoằng Kh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Mỹ Ph khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn Luận và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương xã Hoằng Xuân xác nhận: Anh Lê Văn L và chị Lê Thị Mỹ Ph tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng Kh cấp giấy chứng nhận kết hôn(nay là xã Hoằng Xuân), vợ chồng anh chị có 01 con chung Lê Gia Hân , sinh ngày 27/5/2019, từ đầu năm 2020 anh L đưa cháu Hân về nhà ở với anh và bà nội cháu tại xã Hoằng Xuân sinh sống cho đến nay.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ Ph và anh Lê Văn L kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Kh, huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Do đó HĐXX xét thấy tình cảm của anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ Ph đối với anh Lê Văn L là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2.2]Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung Lê Gia Hân , sinh ngày 27/5/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh Luận. Nay ly hôn chị Ph, anh L có nguyện vọng nuôi cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Ph: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Phương là phù hợp vì hiện nay cháu đang còn nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn bố , trong khi đó cháu Hân mới 16 tháng 22 ngày tuổi. Hiện nay mức thu nhập của chị Phương mỗi tháng 8.000.000đ. Nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ Ph giao cháu Hân cho chị Ph được nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu nuôi con của anh L: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay anh L đưa cháu về Thanh Hóa, mặc dù từ đó đến nay, anh chăm sóc cháu Hân rất tốt, khi anh đi làm có bà nội ở nhà chăm sóc cháu, mức thu nhập của anh 13.500.000đ/ tháng, nhưng do cháu đang còn nhỏ mới có 16 tháng 22 ngày tuổi nên cần giao cháu Hân cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L .

Về cấp dưỡng: Chấp nhập sự thỏa thuận tại phiên tòa anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng là 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

[3]Về tài sản: Chị Ph, anh L đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần tài sản chung của vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2020 như sau:

-01 sổ tiết kiệm tại chi nhánh Ngân hàng Agri bank chi nhánh Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền gửi: 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn L.

Anh L, chị Ph thống nhất: Giao số tiền 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn L cho cháu Lê Gia Hân khi nào cháu đủ 18 tuổi (Do hiện nay cháu đang còn nhỏ nên anh L sẽ là người quản lý cho cháu).

[4]Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ Ph phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ Ph được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con: Công nhận cháu Lê Gia Hân, sinh ngày 27/5/2019 là con chung của anh Lê Văn L và chị Lê Thị Mỹ Ph. Giao cháu Lê Gia Hân cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự

thay đổi về pháp luật. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 21/8/2020 của chị Lê Thị Mỹ Ph và anh Lê Văn L như sau:

01 sổ tiết kiệm tại chi nhánh Ngân hàng Agri bank chi nhánh Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Số tiền gửi: 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn L.

Anh L, chị Ph thống nhất: Giao số tiền 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng). mang tên anh Lê Văn L cho cháu Lê Gia Hân khi nào cháu đủ 18 tuổi (Do hiện nay cháu đang còn nhỏ nên anh L sẽ là người quản lý số tiền 55.000.000đ(năm mươi lăm triệu đồng cho cháu).

Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010041 ngày 25 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị Ph đã thi hành xong.

Anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ Ph, bị đơn anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã h.kh;
-UBND phường Minh Phương, TP Vĩ Tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: …./2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Xuân Thư

2. Bà Đỗ Thị Vân

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoằng Hóa

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:*

Bà Hoàng Thị Hoa, Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1 thị Trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Long, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Hoàng Trì 2, xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh, bị đơn anh Bùi Văn Long có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày ……., bản tự khai ngày …….biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh thể hiện:

Tôi (Quỳnh) và tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống , anh Long không tu chí làm ăn, chơi bời về nhà vợ nói thì đánh đập. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi xin được ly hôn với anh Long.

Về con: Vợ chồng tôi có 02 con chung Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 22/9/2013; Bùi Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 26/7/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi các cháu và không yêu cầu anh Long cấp dưỡng, vì hiện nay tôi làm công ty may tại Thạch Thành nên mức thu nhập của tôi mỗi tháng là 6.000.000đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai; Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của anh Bùi Văn Long thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi (Long) và cô Quỳnh tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cố Quỳn tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở sinh cháu thứ hai, đến năm 2017 vợ chồng đoàn tụ và gần dây vợ chồng sống ly thân. Nay cô Quỳnh làm đơn xin ly hôn. Nguyện vọng của tôi mong muốn đoàn tụ còn cô Quỳnh cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý

Về con: Vợ chồng tôi có 02 con chung Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 292//2003; Bùi Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 26/7/2015. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo. Đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Bùi Thị Yến Nhi thể hiện: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị Quỳnh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về quá trình tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo luật định. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh và anh Bùi Văn Long kết hôn năm 2012. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến năm 2017 thì vợ chồng quay về sống với nhau nhưng khi sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, nên chị Quỳnh lại đem con về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị Quỳnh có nguyện vọng xin ly hôn anh Long. Anh mong muốn đoàn tụ còn chị cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý . Đại diện VKS nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng đã sống ly thân từ vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Thể hiện tình cảm vợ chồng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị Quỳnh được ly hôn với Bùi Văn Long. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 22/9/2013; Bùi Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 26/7/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu đều ở với chị Quỳnh, chị đảm bảo cho các cháu ăn họ và phát triển bình thường. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Nhi, bảo cho chị Quỳnh trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh và Bùi Văn Long kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Thắng, huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống đã sống ly thân năm 2015 đến năm 2017 nhưng sau đó vợ chồng về đoàn tụ đến nay vợ chống sống ly thân . Do đó HĐXX xét thấy tình cảm của anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh đối với Bùi Văn Long là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2]Về con: Vợ chồng tôi có 02 con chung Bùi Thị Yến Nhi , sinh ngày 22/9/2013; Bùi Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 26/7/2015. Hiện naycả hai cháu đang ở với chị Quỳnh. Nay ly hôn chị Quỳnh có nguyện vọng nuôi hai cháu; Anh Longcó nguyện vọng được nuôi cháu Bảo và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Quỳnh: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Quỳnh là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu ở với chị Quỳnh, chị vẫn đảm bảo cho cháu ăn học bình thường. Hiện nay mức thu nhập của chị mỗi tháng là 6.000.000đồng. Do đó không nên xáo trộm cuộc sống của các cháu mà tiếp tục giao cả hai cháu cho chị Quỳnh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật.

Đối với yêu cầu nuôi con của anh Long: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị Quỳnh là người trực tiếp chăm sóc các cháu, đảm bảo cuộc sống cho cháu ăn học, sinh hoạt bình thường, cả hai cháu đều đang còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn bố. Do đó không nên xáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của các cháu mà cần để cho các cháu phát triển . Nên hội đồng xét xử khống chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn Long .

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Quỳnh và anh Bùi Văn Long không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh và anh Bùi Văn Long không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh được ly hôn anh Bùi Văn Long.

Về con: Công nhận cháu Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 22/9/2013; Bùi Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 26/7/2015 là con chung của anh Bùi Văn Long và chị Nguyễn Thị Quỳnh. Giao hai cháu Bùi Yến Nhi và Bùi Nguyễn Gia Bảo cho chị Quỳnh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Anh Long có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/..... ngày tháng năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị Quỳnh đã thi hành xong.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Bùi Văn Long có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h. Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã h.Thắng; thị Trấn Vân Du, h,thạch Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 304/2020/HNGĐ ST Ngày: 21/9/2020 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Bỉnh Quyền
  2. Ông Hoàng Ngọc Năm
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:*

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 10, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Hùng, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 10, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Hương, bị đơn chị Hùng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2020, bản tự khai ngày và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của chị Nguyễn Thị Hương thể hiện:

Tôi (Hương) và anh Bùi Văn Hùng tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hùng không tu chí làm ăn, đánh đập tôi nhiều lần. Đến nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không muốn kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hùng.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung: Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Bùi Minh Đức, sinh ngày 19/10/2015. Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường. Nguyện vọng của tôi được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng. Hiện nay tôi đang làm công ty mức ty Hoàng Long mức thu nhập của tôi 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn Hùng thể hiện: Tôi và chị Nguyễn Thị Hương tự nguyện kết hôn năm 2010 được UBND xã Hoằng Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau bình thường cho đến tháng 6/2020 vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Hương làm đơn ly hôn tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung: Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Bùi Minh Đức, sinh ngày 19/10/2015. Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường. Nguyện vọng của tôi được nuôi cháu thứ hai là Bùi Minh Đức và giao cháu Bùi Thị Kim Anh cho chị Hương nuôi. Về cấp dưỡng: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyét

Tại bản tự khai của cháu Bùi Khánh Linh cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và em.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hương khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn Hùng và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Hương là nguyên đơn, anh Hùng là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Văn Hùng có địa chỉ tại thôn 10, xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hương khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn Hùng và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương và Bùi Văn Hùng kết hôn với nhau vào 2010 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Hải, huyện Hoằng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau chỉ hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi. Chị Hương và anh Hùng đều thừa nhận quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vì vậy Hương làm đơn xin được ly hôn anh Hùng. Anh Hùng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hương đối với anh Bùi Văn Hùng.

[2.2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung: Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Bùi Minh Đức, sinh ngày 19/10/2015. Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị Hương: Chị Hương có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Thị Kim Anh và cháu Bùi Minh Đức.

Xét thấy từ khi anh Hùng đi làm ăn xa cho đến nay, cả hai đều ở với chị Hương. Chị đảm bảo cho cháu ăn học và phát triển bình thường, hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty Hoàng Long mức thu nhập của chị một tháng 6.000.000đ. Do đó không nên xáo trộm cuộc sống của các cháu. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Hương là giao cháu Bùi Thị Kim Anh và cháu Bùi Minh Đức cho chị Hương tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Hùng: Anh Hùng cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Đức. Do cháu Đức đang còn nhỏ anh Hùng đi làm xa. Trong khi đó từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các cháu ở với chị Hương, tâm sinh lý của cháu phát triển bình thường. Do đó không nên xáo trộm cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu. Nên không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Hùng mà giao hai cháu chị Hương tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Anh Hùng, chị Hương không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Chị Hương, anh Hùng không yêu cầu tòa án giải quyeế.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương được ly hôn anh Bùi Văn Hùng.

Về con chung: Công nhận cháu Bùi Thị Kim Anh, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Bùi Minh Đức, sinh ngày 19/10/2015.

Giao cho chị Nguyễn Thị Hương tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim Anh và cháu Bùi Minh Đức cho đến khi các cháu 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật. Anh Hùng có quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được được cản trở việc thăm non chăm sóc con của anh .

Về tài sản: Chị Hương, anh Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009997 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương, bị đơn anh Bùi Văn Hùng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND t. Thanh Hóa;*
- *VKSND h. Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương